TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2024
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và ông Nguyễn Xuân Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 935/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Tân Thị Ngọc L, sinh năm 1984; địa chỉ: 5/9 đường L1, tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà L có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Văn A, sinh năm 1980; địa chỉ: 5/9 đường L1, tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là bà Tân Thị Ngọc L trình bày:

Bà và ông Lê Văn A chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 15-6-2015.

Trong thời gian chung sống, ông Lê Văn A không lo cho các con và gia đình dẫn đến việc bà và ông Lê Văn A xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Nay, bà nhận thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn A.

Bà và ông Lê Văn A có hai con chung là cháu Lê An Thái H, sinh ngày 20-02-2016 và cháu Lê An Diễm Q, sinh ngày 18-10-2017.

Hiện nay, các con đang sinh sống với bà nên bà có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lê An Thái H và cháu Lê An Diễm Q. Bà không yêu cầu ông Lê Văn A phải cấp dưỡng cho con.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Lê Văn A. Tuy nhiên, ông Lê Văn A không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, ông Lê Văn A không có lời khai tại hồ sơ vụ án và cũng không có lời khai tại phiên toà.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tân Thị Ngọc L.

Bà Tân Thị Ngọc L ly hôn ông Lê Văn A.

Giao cháu Lê An Thái H và cháu Lê An Diễm Q cho bà Tân Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà Tân Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Tân Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với ông Lê Văn A và tranh chấp về nuôi con; ông Lê Văn A có nơi cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến của người khởi kiện về việc lựa chọn hòa giải, lựa chọn Hòa giải viên ngày 27-12-2023, bà Tân Thị Ngọc L không đồng ý lựa chọn hòa giải và lựa chọn Hòa giải viên. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn là ông Lê Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông Lê Văn A tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Tân Thị Ngọc L và ông Lê Văn A đăng ký kết hôn ngày 15-6-2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà Tân Thị Ngọc L và ông Lê Văn A phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng ông bà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Vì vậy, bà Tân Thị Ngọc L yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn A.

Ông Lê Văn A đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục để ông Lê Văn A tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình về việc bà Tân Thị Ngọc L yêu cầu ly hôn nhưng ông Lê Văn A đều vắng mặt chứng tỏ ông không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của bà Tân Thị Ngọc L về việc ly hôn ông Lê Văn A là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Về con: Bà Tân Thị Ngọc L và ông Lê Văn A có hai con chung là cháu Lê An Thái H, sinh ngày 20-02-2016 và cháu Lê An Diễm Q, sinh ngày 18-10-2017.

Bà Tân Thị Ngọc L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; tại đơn trình bày ngày 05-3-2024, cháu Lê An Thái H có nguyện vọng được ở với bà Tân Thị Ngọc L sau khi cha mẹ ly hôn; nguyện vọng của bà Tân Thị Ngọc L và cháu Lê An Thái H là chính đáng và đúng pháp luật. Bà Tân Thị Ngọc L có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng các con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lê An Thái H và cháu Lê An Diễm Q cho bà Tân Thị Ngọc L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà Tân Thị Ngọc L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Tân Thị Ngọc L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Tân Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tân Thị Ngọc L.

1.1. Về hôn nhân: Bà Tân Thị Ngọc L ly hôn ông Lê Văn A.

1.2. Về con: Giao cháu Lê An Thái H và cháu Lê An Diễm Q cho bà Tân Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí:

Bà Tân Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001149 ngày 27-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; bà Tân Thị Ngọc L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Tân Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 20-5-2024; ông Lê Văn A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm

trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố P (GCNKH số 44, đăng ký ngày 15-6-2015);
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền